

CHỦ ĐỀ 1

ĐỘNG TỪ THỨC (3 TIẾT)

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

ĐỘNG TỪ THỨC (TIẾT 1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được Động Từ Thức là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng.
- Kể tóm tắt được truyện *Từ Thức gặp tiên*.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Rèn kỹ năng quan sát, ghi nhớ, tổng hợp kiến thức.

3. Thái độ

Yêu mến, trân trọng, tự hào và có ý thức bảo tồn, phát huy giá trị của danh thắng ở quê hương Thanh Hoá.

II. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Rèn luyện, phát triển năng lực nghe, nói, đọc, viết; năng lực ngôn ngữ: dùng từ ngữ, diễn đạt, trình bày ý kiến cá nhân.
- Hình thành và phát triển năng lực tự chủ, tự học, tự tìm kiếm thông tin, xác lập tri thức.
- Hình thành và phát triển năng lực hoạt động hợp tác.

III. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Máy chiếu, bài soạn trên PowerPoint (nếu có), video clip, tranh ảnh Động Từ Thức (một số hình ảnh cửa biển Thần Phù), c
- Đọc truyện “*Từ Thức gặp tiên*”, “*Sự tích Động Từ Thức*” (tìm thêm những dị bản).

2. Học sinh

- Chuẩn bị theo sự phân công của GV.

IV CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

a) Mục đích

- Tạo tâm lý vui vẻ, thoải mái cho HS tìm hiểu bài học.
- HS nhận ra vẻ đẹp của danh thắng xứ Thanh.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

- GV cho HS quan sát hình ảnh và đọc câu ca dao trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, ư.5.
- GV cho HS trả lời câu hỏi: Câu ca dao trên nhắc đến danh lam thắng cảnh nào của tỉnh Thanh Hoá?
- HS trả lời câu hỏi.
- GV dẫn vào bài học.

2. Khám phá

a) Mục đích

- Kể tóm tắt được truyện “*Từ Thức gặp tiên*”.

- Biết được địa điểm và một số hình ảnh đẹp của động Từ Thức.
- Biết được động Từ Thức ngày nay là một trong những danh lam thắng cảnh nổi tiếng của xứ Thanh và của nước ta.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

1. Nghe kể: truyện “Từ Thức gặp tiên”

- GV cho HS quan sát 4 tranh trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.6.
- HS đọc phần tóm tắt truyện dưới mỗi tranh.
- GV kể cho HS nghe truyện “Từ Thức gặp tiên”.

[GV có thể đọc tham khảo các tài liệu sau: “Từ Thức tiên hôn lục” — một trong 20 truyện trong “Truyền kỳ mạn lục” của Nguyễn Dữ; “Sự tích động Từ Thức” (Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam); Truyện tranh “Cổ tích Việt Nam — Từ Thức gặp tiên” (Thụ Nho — Hà Dũng Hiệp, Nhà xuất bản Mĩ thuật, năm 2006), video “Từ Thức gặp tiên”...]

- GV yêu cầu HS kể lại truyện theo tranh (theo nhóm).
- GV gọi 1-2 HS kể từng đoạn truyện hoặc toàn bộ truyện trước lớp.

2. Động Từ Thức

- GV cho HS đọc thông tin trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, (mục 2, tr.7).
- GV hỏi và gợi ý HS trả lời các câu hỏi:
 - + Động Từ Thức còn có tên gọi nào khác?
 - + Động Từ Thức ở đâu?
 - + Động Từ Thức được công nhận là Di tích thắng cảnh quốc gia năm nào?
- GV chốt lại những nội dung chính trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, (Tr.7)
 - + Động Từ Thức (còn gọi là động Bích Đào) nằm trên sườn núi Thạch Bi (thuộc dãy núi Tam Điệp) thuộc xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn.
 - + Đây là một trong những hang động đẹp nhất xứ Thanh đã được Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích thắng cảnh cấp quốc gia năm 1992.

+ Động Từ Thức gắn với huyền thoại *Từ Thức gặp tiên*.

- GV cho HS quan sát một số hình ảnh về động Từ Thức trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.7, 8, 9, đọc chú thích từng ảnh. (GV cho HS xem một số hình ảnh động Từ Thức phóng to nếu có, hoặc chiếu video clip từ ngoài động đến cửa động).

- GV giới thiệu từng hình ảnh để HS thấy được vẻ đẹp của động Từ Thức.

Ví dụ: + Hình 1 “Đường lên động” (tr.7) là con đường xanh có cây cối bao phủ quanh lối đi, đặc biệt có những bộ rễ cây (thuộc họ dây leo) thả xuống tự nhiên tựa như chiếc võng. GV nhấn mạnh vẻ đẹp của động Từ Thức đã tạo cảm hứng cho nhiều tao nhân mặc khách viếng thăm và làm thơ đề tặng, trong đó có ba bài thơ được tạc bia đá của tác giả Trịnh Sâm, Lê Quý Đôn và Nguyễn Khắc Niêm (tr.8).

+ Hệ thống nhũ đá thiên hình vạn trạng lung linh, huyền ảo trong động được “kể lại” qua trí tưởng tượng bay bổng Từ Thức gặp và lấy vợ tiên; thoát cũi trần gian lên tiên giới.

Ngoài 13 hình ảnh trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, GV có thể cung cấp cho HS một số hình ảnh khác (bằng ảnh, video clip) vừa khái quát và chi tiết theo bố cục: Từ Thức gặp tiên, Từ Thức ở trên trời, Từ Thức về quê. Ở động chính có phần

ngoài rộng, trần động hình vòng cung như chiếc bát úp khổng lồ và phía dưới vòng cung là một nhũ đá rủ xuống tựa như trái đào tiên, nên động còn có tên là động Bích Đào. Giải thích cho HS hiểu qua một số hình ảnh trong động, như: đền thờ Từ Thức, xe mây, bàn cờ tiên, thư phòng của Từ Thức, mắc treo áo, treo mũ, phượng bát âm (trống đá, đàn đá), bàn cỗ tam sinh (trâu, dê, lợn,...), mâm ngũ quả, ngựa trời,... để thấy thiên nhiên đã ban tặng cho động Từ Thức một kì quan hấp dẫn gắn với huyền thoại *Từ Thức gặp tiên*.

- GV cho HS đọc mục “Em có biết” trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.10.
- GV nói thêm một vài nét về cửa biển Thần Phù gắn với sự tích động Từ Thức.

Thông tin bổ sung

Bìa tạc bài thơ “Ngự chế đề Từ Thức động” (Thơ của vua đề động Từ Thức) của Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm (1739 - 1782) vị chúa thứ 8 của vương tộc Trịnh cầm quyền ở phía Bắc thời Lê trung hưng, quê ở huyện Vĩnh Lộc (tỉnh Thanh Hoá). Bài thơ được khắc vào tháng 2 năm Tân Mão (tức tháng 3/1771) phía dưới ghi tên bút danh “Nhật Nam nguyên chủ” Nội dung bài thơ:

*Xiêm nắng biếc treo rờn gấm vóc
Gió mưa đá gõ vọng cung thương
Duyên tiên từ thuở ba sinh hện
Dâu bể nay đà mấy độ dăng
Chớ bảo Dao Trì ngày thám thoát
Chơi đây nào khắc dạo Bông hang?
(Hồng Phi dịch)*

Bài thơ “Đề Từ Thức động” (Đề động Từ Thức) của Bảng nhãn Lê Quý Đôn (1726-1784) - vị quan thời Lê trung hưng, người làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam (nay là thôn Đồng Phú, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình). Bài thơ được tạc vào bia đá và dựng trong cửa động năm Ất Tị 11905 (triều Thành Thái):

Mờ mịt thần tiên ngất dặm dương

*Bích Đào động khẩu dấu thê lương
Áo gai phiêu bạt thân Từ Thức
Mây nước già dầm mặt Giáng Hương
Trống đá nghe khuya lay động sớm
Sương thu chẳng đượm cắt sa trường
Thiên thai bao kẻ từng xây mộng
Nào biết thiên thai cũng hí trường.*

(Bản dịch của PGS Vũ Ngọc Khánh)

Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm (1889 - 1954) đã từng nhận nhiều trọng trách quan trọng trong triều đình Huế: Tư nghiệp Quốc Tử Giám, Tham tri Bộ Hình, Tuần vũ Khánh Hoà, Phủ doãn Thừa Thiên (hai lần), Bộ chánh Nghệ An, quyền Tổng đốc Thanh Hoá (1941 - 1942). Thời kì làm Tổng đốc Thanh Hoá, cụ Nguyễn Khắc Niêm đã đến thăm động Từ Thức và viết bài thơ “Phỏng Từ Thức động” (Thăm động Từ Thức) bằng chữ Hán:

*Ái tình còn nặng lụy duyên tiên
Nghê thường mờ mịt chòm mây sớm
Thạch nhũ đầm đĩa bóng nguyệt đêm
Hoạn lộ cười mình về quá muộn*

Gặp nhau cửa động nói không nên!

(Bản dịch của Hồng Phi)

Cửa biển Thần Phù xưa là đường giao thông thuỷ quan trọng từ Bắc vào Nam. Nay chỉ còn dấu tích trong đất liền, thuộc hai xã Yên Lâm (huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình) và xã Nga Điền (huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá). Trên vách núi Bia Thần có khắc chữ Thần bằng chữ Hán rất lớn, mỗi chiều rộng khoảng 1,5m. Nhiều danh nho đến thăm cửa biển Thần Phù đã lưu bút đề thơ. Cửa biển Thần Phù gắn với truyền thuyết “An Tiêm khai phá đảo hoang” Lễ hội chùa Hàn Sơn - cửa Thần Phù được tổ chức vào hai ngày mùng 9 đến mùng 10 tháng 3 âm lịch.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG ĐỘNG TỪ THỨC (TIẾT 2)

3. Luyện tập

a) Mục đích

- Củng cố nội dung đã học thông qua các bài tập.
- Rèn kĩ năng ghi nhớ, tổng hợp, hoạt động nhóm.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

GV hướng dẫn HS làm bài tập trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.10 (làm việc cá nhân, hoặc làm việc nhóm).

Bài tập 1. Động Từ Thức gắn với truyền thuyết nào?

Đáp án: Truyền thuyết “Tùng Thức gặp tiên” (hoặc “Tùng Thức lấy vợ tiên”/ “Sự tích động Bích Đào”).

Bài tập 2. Kể lại một đoạn truyện “Tùng Thức gặp tiên” I

GV có thể chia nhóm cho HS kể một số đoạn trong truyện. (GV có thể cho HS kể chuyện phân vai, đóng tiểu phẩm).

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG ĐỘNG TỪ THỨC (TIẾT 3)

4. Vận dụng

a) Mục đích

Củng cố, khắc sâu kiến thức. HS vận dụng, thực hành trải nghiệm để tạo ra sản phẩm cụ thể: viết, thuyết minh, vẽ tranh, làm áp phích,...

c) Gợi ý tổ chức hoạt động

Bài tập 1: Tập làm hướng dẫn viên du lịch

- GV hướng dẫn HS học sinh chuẩn bị bài nói để trình bày trước lớp, một đoạn giới thiệu về động từ Thức : địa điểm, tên gọi, một số cảnh đẹp trong động, truyền thuyết gắn với động

- GV gọi một số HS lên trình bày trước lớp.

Bài tập 2. Cùng các bạn làm tờ gấp giới thiệu ngắn gọn về động Từ Thức.

HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm, làm tờ gấp, trang trí tờ gấp để giới thiệu động Từ Thức.

* GV cho HS đọc mục *Em ghi nhớ* (TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.10).

CHỦ ĐỀ 2

BƯỞI LUẬN VĂN

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

BƯỞI LUẬN VĂN (TIẾT 1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được bưởi Luận Văn là một đặc sản của Thanh Hoá.
- Biết nguồn gốc, cách trồng và một số đặc điểm của bưởi Luận Văn.
- Biết giá trị của bưởi Luận Văn đối với địa phương.

2. Kỹ năng

H Rèn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

HB Rèn kỹ năng quan sát, ghi nhớ, tổng hợp kiến thức.

3. Thái độ

Trân trọng, tự hào và có ý thức bảo tồn, phát huy giá trị của sản vật quê hương.

II. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Rèn luyện, phát triển năng lực nghe, nói, đọc, viết; năng lực ngôn ngữ: dùng từ ngữ, diễn đạt, trình bày ý kiến cá nhân.
- Hình thành và phát triển năng lực tự chủ, tự học, tự tìm kiếm thông tin, xác lập tri thức.
- Hình thành và phát triển năng lực hoạt động hợp tác.

III. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Máy chiếu, bài soạn trên PowerPoint (nếu có), video clip, tranh ảnh bưởi Luận Văn (hoặc quả bưởi Luận Văn thật); những câu chuyện kể có liên quan đến sản vật này.
- Có điều kiện chuẩn bị cho HS hoạt động trải nghiệm như tham quan vườn bưởi (hoặc vườn cam...).

2. Học sinh

Chuẩn bị theo sự phân công của GV.

II CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

a) Mục đích

Đ dẫn dắt, tạo tâm thế hào hứng, phần **khởi** vào học chủ đề "Bưởi Luận Văn".

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

- GV cho HS quan sát hình ảnh **bưởi** Luận Văn trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá lớp 2, tr. 11 và trả lời câu hỏi: "Em thấy quả **bưởi** trong hình có gì khác những quả bưởi em thường gặp?".
- GV có thể dùng video, tranh ảnh, chuyện **ké** để giới thiệu với HS về **bưởi** Luận Văn.

2. Khám phá

a) Mục đích

- Biết nguồn gốc, cách trồng và một số đặc điểm của bưởi Luận Văn.
- Biết giá trị của bưởi Luận Văn đối với địa phương.

b) *Gợi ý chức hoạt động*

1. *Nguồn gốc bưởi Luận Văn*

- GV cho HS đọc nội dung ở mục 1 trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr. 12.
- HS nêu nguồn gốc bưởi Luận Văn (tén xâ, huyện).
- HS nêu đặc điểm của vùng đất trồng bưởi Luận Văn.
- GV có thể kể cho HS nghe vé truyền thuyết tên gọi của bưởi Luận Văn.

2. *Cách trồng*

- GV cho HS đọc thông tin trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.12.
- GV nổi thêm: Chiết cành là nhân giống cây bằng cách làm cho cành cây ra rễ rồi cắt đem trồng. Trồng bưởi bằng cách chiết cành bảo đảm chất lượng bưởi Luận Văn.

- GV có thể làm mẫu cách ghép cây cho HS xem và thực hành. Đây là một kĩ năng không khó, HS làm được. Hoặc có thể để hoạt động này trong phần *Vận dụng* cuối bài.

3. *Đặc điểm bưởi Luận Văn*

- GV cho HS đọc nội dung về đặc điểm bưởi Luận Văn trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.12.

- GV gọi HS nêu trước lớp một số đặc điểm của bưởi Luận Văn.
- GV cho HS đọc nội dung mục “Em có biết”, TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.12. GV kể cho HS nghe về việc mọi người thường bày bưởi Luận Văn trên bàn thờ vào ngày tết Nguyên đán; cách dùng rượu trắng lau vỏ bưởi để quả bưởi đỡ và thơm hơn.

4. *Giá trị của bưởi Luận Văn*

- GV cho HS đọc nội dung mục 4 “Giá trị của bưởi Luận Văn” trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.13.

- GV nói cho HS biết thêm về giá trị kinh tế của bưởi Luận Văn.
- GV có thể nói thêm để HS biết tầm quan trọng, giá trị của giấy chứng nhận đăng kí chỉ dẫn địa lí cho sản phẩm bưởi Luận Văn, đã làm tăng giá trị, uy tín của bưởi Luận Văn. Ngày nay, tại thôn Luận Văn, bưởi đã thành hàng hoá có giá trị giúp cho người dân phát triển kinh tế, làm giàu.

- GV cho HS đọc và tìm hiểu nội dung mục “Em có biết” trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.13.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG BƯỞI LUẬN VĂN (TIẾT 2)

3. Luyện tập

a) *Mục đích*

HS được củng cố, nắm chắc những kiến thức tiếp thu được từ phần *Khám phá* về bưởi Luận Văn.

b) *Gợi ý tổ chức hoạt động*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành các bài tập trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.13, 14, 15 (làm việc cá nhân hoặc theo nhóm).

Bài tập 1. Tên bưởi Luận Văn có nguồn gốc từ đâu?

Đáp án (b)

Bài tập 2. Chọn hình ảnh đúng của bưởi Luận Văn.

Đáp án: (3)

Bài tập 3. Theo em, điều kiện làm cho bưởi Luận Văn ngon, đẹp là gì?

GV gợi ý thêm để HS biết được điều kiện để có thể làm cho giống bưởi Luận Văn ngon.

Đáp án: (d)

Bài tập 4. Những câu nào sau đây nói đúng về bưởi Luận Văn?

HS thảo luận nhóm.

Đáp án: Các câu a, c, d.

Bài tập 5. Em hãy nói tiếp một loại quả cho đủ tên 3 đặc sản của Thanh Hoá.

HS thảo luận nhóm. Các em sẽ có nhiều phương án trả lời. Câu nói đúng là:

“Cam Giàng, vải Dịch, bưởi Luận Văn”.

GV giải thích cho HS: cam Giàng, vải Dịch (cam làng Giàng; quả vải làng Dịch).

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG BƯỞI LUẬN VĂN (TIẾT 3)

4. Vận dụng

a) Mục đích

HS vận dụng được kiến thức đã học về bưởi Luận Văn để giới thiệu được với bạn bè, người thân về đặc sản này của xứ Thanh.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

Tuỳ điều kiện cụ thể của trường ở nông thôn hay thành thị, trường ở huyện Thọ Xuân gắn với quê hương bưởi luận Văn hay không,... để tổ chức hoạt động phù hợp.

GV gợi ý, hướng dẫn HS thể hiện sự hiểu biết, tình cảm của bản thân với bưởi Luận Văn qua các đoạn văn ngắn, hình vẽ hoặc kể chuyện,...

* Lưu ý: GV nên dạy và tập cho HS bước đầu làm quen với cách chiết cành, ươm cây. Việc làm này có tác dụng tích cực để giáo dục các em tình yêu thiên nhiên, khơi gợi trong các em sự tìm tòi, khám phá khoa học. Có thể dạy cho HS thực hành chiết ghép cây hoa, cây cảnh, chanh, cam,..I đây là xu hướng dạy học STEM.

* GV cho HS đọc mục *Em ghi nhớ* trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr. 15 để ghi nhớ nội dung chính của chủ đề.

Thông tin bổ sung

Ở Thanh Hoá còn có một sản vật nổi tiếng là cam Giàng. Cam Giàng nổi tiếng thơm ngon ở làng Giàng, huyện Thiệu Hoá. Thi sĩ Hằng Phương đã biếu Bác Hồ cam, đó là cam làng Giàng nổi tiếng. Giống cam quý ngày nay đã thất truyền.

Thi sĩ Hằng Phương làm bài thơ để ngày 02/01/1946 kèm trong gói cam biếu Bác Hồ:

*Cam ngon Thanh Hoá vốn dòng
Kính dâng Chủ tịch tỏ lòng mến yêu
Đắng cay cụ trái đã nhiều
Ngọt bù trời trả đủ điều từ đây
Cùng quốc dân hướng những ngày
Tự do, hạnh phúc tràn đầy trời Nam*

Anh hùng mở mặt giang san
Lưu danh thiên cổ, vẻ vang giống nòi.

Bài thơ “Cảm ơn người tặng cam” của Bác Hồ đăng trên báo “Tiếng gọi phụ nữ”, số 11 ra ngày 08/01/1946:

Cảm ơn bà biếu gói cam
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây!
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai.

CHỦ ĐỀ 3 **BÁNH RĂNG BỪA (3 TIẾT)**

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG **BÁNH RĂNG BỪA (TIẾT 1)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết nhận diện và gọi tên bánh răng bừa, một đặc sản của Thanh Hoá.
- Kể tên được các nguyên liệu và các bước làm bánh răng bừa.
- Mô tả được đặc điểm, mùi vị của bánh răng bừa.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Rèn kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng tổng hợp kiến thức.

3. Thái độ

Qua tìm hiểu về một loại bánh, một món ăn truyền thống của quê hương, HS biết trân trọng, yêu quý quê hương, gia đình.

II. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Rèn luyện, phát triển năng lực đọc, viết, dùng từ ngữ.
- Hình thành và phát triển năng lực tự học, tự tìm kiếm thông tin.
- Hình thành và phát triển năng lực làm việc hợp tác.

III. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Chuẩn bị một ít bánh răng bừa (đã chín).
- Chuẩn bị tranh, ảnh, video clip,... về bánh răng bừa, nguyên liệu và cách làm bánh.

* Nếu có điều kiện thì chuẩn bị một ít nguyên liệu làm bánh (bột gạo, nhân bánh, lá gói bánh, dụng cụ luộc bánh). Giờ học sẽ vui và bổ ích hơn nếu HS được trực tiếp làm bánh.

- GV có thể giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị vật liệu làm bánh theo nhóm, để thực hành tại lớp.

2. Học Sinh Chuẩn bị theo sự phân công của GV.

IV CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

a) Mục đích

Tạo tâm thế vui vẻ cho HS bước vào bài học mới.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

- GV cho HS quan sát hai hình ảnh trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.16 và trả lời các câu hỏi. (GV có thể dùng hình ảnh, video clip, hoặc những chiếc bánh thật, hướng dẫn HS quan sát, nhận biết và gọi tên bánh).

- Sau khi HS gọi được tên bánh: bánh răng bừa, GV có thể hỏi thêm HS:

+ Em đã được ăn bánh răng bừa chưa?

+ Em hãy nói cảm nhận của mình khi ăn bánh này.

+ Em hãy kể tên những loại bánh làm bằng bột gạo tẻ.

(GV chú ý hướng dẫn các em phân biệt gạo tẻ, gạo nếp).

2. Khám phá

a) Mục đích

- Biết được hình dáng bánh răng bừa.

- Biết được các nguyên liệu và các công đoạn làm bánh răng bừa.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

GV hướng dẫn HS tìm hiểu lần lượt nội dung: giới thiệu bánh răng bừa, nguyên liệu làm bánh, các bước làm bánh và thành phẩm.

1. Bánh răng bừa

- GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip chiếc bừa (phóng to răng bừa).

- GV cho HS so sánh chiếc bánh răng bừa với cái răng của chiếc bừa để thấy sự tương quan về hình dáng.

- GV chốt lại: Bánh răng bừa là loại bánh truyền thống của Thanh Hoá. Gọi là bánh răng bừa vì bánh có hình dáng giống cái răng của chiếc bừa.

2. Nguyên liệu làm bánh

- GV cho HS quan sát 4 bức ảnh trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.17.

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân (hoặc nhóm đôi), gọi tên được các nguyên liệu làm bánh răng bừa.

- Nếu có điều kiện, GV chuẩn bị những vật liệu làm bánh để cho HS trực tiếp quan sát, tiếp xúc với các vật liệu đó.

- GV chốt lại: Nguyên liệu làm bánh răng bừa gồm: lá dong (hoặc lá chuối) dùng để gói bánh; gạo tẻ làm vỏ bánh; thịt lợn, hành khô, mộc nhĩ, nước mắm, muối làm nhân bánh.

3. Cách làm bánh

- GV cho HS quan sát lần lượt 6 bức ảnh trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.18.

- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm: kể các bước làm bánh; có thể mô tả từng bước.

- GV mô tả từng bước làm bánh răng bừa (hoặc cho HS xem video clip về các bước làm bánh, sau đó GV mô tả lại).

- GV chốt lại cách làm bánh răng bừa: 1 - rửa lá; 2 — xay bột; 3 — giã bột (làm cho bột dẻo); 4 làm nhân bánh; 5 - gói bánh; 6 - luộc (hoặc hấp) bánh.

4. Thành phẩm

- GV cho HS ăn bánh răng bừa đã được chuẩn bị. Sau đó, cho HS nói cảm nhận

của mình về bánh rặng bừa (GV khuyến khích HS nói theo suy nghĩ của bản thân).

- GV chốt lại: Bánh rặng bừa ngon là bánh có lớp vỏ bánh mịn, vừa dẻo vừa giòn, nhân bánh vừa vặn, thơm ngon.

- GV đọc hoặc cho HS đọc phần “Em có biết”, TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.19, để biết thêm thông tin về bánh rặng bừa.

- GV có thể kể thêm một số thông tin hoặc một câu chuyện về bánh rặng bừa cho HS nghe.

Thông tin bổ sung

1. Nước ta vốn là một nước nông nghiệp, trồng lúa nước. Từ lâu đời, người dân đã sáng tạo ra rất nhiều loại bánh làm từ bột gạo. Bánh rặng bừa làm từ bột gạo tẻ, còn gọi là bánh tẻ. Bánh rặng bừa (bánh tẻ) là sản phẩm truyền thống của Thanh Hoá và của nhiều nơi. Bánh rặng bừa cũng rất nổi tiếng ở vùng Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Làng Phụng Công (Văn Giang) là một làng có nghề truyền thống làm bánh rặng bừa nên gọi là bánh tẻ Phụng Công. Có câu về bánh rặng bừa:

Làm quà biếu bạn gần xa

Làm sao cho chọn đây là quê hương.

2. Bánh rặng bừa Thanh Hoá nổi tiếng là bánh rặng bừa các vùng Vĩnh Lộc, Thọ Xuân. Vĩnh Lộc là nơi sinh ra Chúa Trịnh. Thọ Xuân được gọi là vùng đất “hai vua” vì đây là nơi phát tích của hai triều đại Tiền Lê và Hậu Lê.

Cuốn “Địa chí huyện Hà Trung” - quê hương của chúa Nguyễn ghi lại câu phương ngôn đầy tự hào về sản vật của quê hương.

Bánh chưng Ao Cả, bánh lá Bờ Đa.

(Bánh lá: tên khế của bánh rặng bừa

Bờ Đa: tên cánh đồng thuộc xã Hà Bắc, Hà Trung)

Hay: Đi thì đầu gói mỗi lè

Nhớ về bánh lá, nước chè Tâm Quy.

(Tâm Quy: thuộc xã Hà Tấn, Hà Trung).

Cổ lễ vì sự thơm ngon độc đáo của bánh rặng bừa mà cả ba vùng đất nơi sinh ra các vị vua chúa đều có chung một loại sản vật.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG BÁNH RẶNG BỪA (TIẾT 2)

3. Luyện tập

a) Mục đích

- Củng cố các nội dung đã học thông qua việc làm các bài tập.
- Rèn cách ghi nhớ và tổng hợp các nội dung đã học.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

- GV hướng dẫn HS làm việc với TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.20, 21.

Bài tập 1

- GV cho HS làm việc với TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.20 (làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm).

- GV hướng dẫn HS ghép nội dung ở cột bên trái với nội dung ở cột bên phải để thành câu đúng.

a) *Giới thiệu bánh rằm bừa:*

Đáp án: 1 - b; 2 - a.

b) *Nguyên liệu để làm bánh:*

Đáp án: 1 - c; 2 - a; 3 - b.

c) *Chuẩn bị nguyên liệu:*

Đáp án: 1 - a; 2 - c; 3 - b.

Bài tập 2. Nói cách làm bánh rằm bừa.

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm để nói về cách làm bánh rằm bừa:

1 - rửa lá; 2 - xay bột; 3 - giã bột (làm cho bột dẻo); 4 - làm nhân bánh; 5 - gói bánh; 6 - luộc (hoặc hấp) bánh.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG BÁNH RẰNG BỪA (TIẾT 3)

4. Vận dụng

a) *Mục đích*

HS được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống.

b) *Gợi ý tổ chức hoạt động*

Tuỳ điều kiện cụ thể của nhà trường, khả năng của GV, có thể tổ chức hoạt động dạy học chủ đề này một cách linh hoạt:

- Tổ chức cho HS đến thăm một cơ sở làm bánh rằm bừa.
- Tổ chức làm bánh rằm bừa tại lớp.
- Cho HS giới thiệu về bánh rằm bừa (có thể là vẽ, viết hoặc nói).

* Chủ đề này có thể dạy trong dịp trường chuẩn bị tổ chức buổi “Chợ quê”.
Giờ thực hành làm bánh có thể là một hoạt động trong buổi “Chợ quê”.

* GV cho HS đọc mục *Em ghi nhớ* trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.22.

CHỦ ĐỀ 4 NGHỀ ĐỨC ĐỒNG TRÀ ĐÔNG - THIỆU HÓA (3 TIẾT)

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG NGHỀ ĐỨC ĐỒNG TRÀ ĐÔNG - THIỆU HÓA (TIẾT 1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được một nghề thủ công truyền thống của quê hương.
- Nhận biết được những nguyên liệu, các công đoạn và một số sản phẩm của

nghề đúc đồng làng Trà Đông, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá.

2. Kỹ năng

- Phân biệt được sản phẩm đồng với các sản phẩm gia dụng khác như gốm sứ, gỗ, sắt thép, cao su,...

- Rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, ghi nhớ.

3. Thái độ

- Hiểu đây là một nghề vất vả đòi hỏi kỹ thuật cao.

- Trân trọng những sản phẩm của một nghề kỹ thuật truyền thống được xem là Di sản quốc gia.

I. **NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI**

- Quan sát, nhận diện sản phẩm.

- Hình thành và phát triển năng lực tự học, tự tìm kiếm thông tin.

- Hình thành và phát triển năng lực làm việc hợp tác.

II. **CHUẨN BỊ**

I. Giáo viên

- Một số tranh, ảnh, hiện vật đồ đồng như: nồi đồng, siêu đồng, trống đồng (sản phẩm tái hiện).

- Có thể giao cho HS tìm và đem đến vào giờ học.

- Có thể đọc thêm tài liệu từ các sách về Nghề truyền thống Thanh Hoá (do Ban Nghiên cứu Lịch sử tỉnh Thanh Hoá ấn hành), báo Thanh Hoá giới thiệu về làng đúc đồng Trà Đông, sách “Kẻ Rị Kẻ Chè” của tác giả Lê Huy Trâm.

2. Học Sinh

Chuẩn bị theo sự phân công của GV.

IV CÁC HOẠT ĐỘNG OẠY HỌC

1. **Khởi động**

a) Mục đích

Tạo hứng thú cho HS bước vào bài học mới.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

— GV cho HS quan sát các hình ảnh trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.23 và trả lời các câu hỏi.

— Hình ảnh ở câu hỏi 1: Nấu chảy và rót đồng vào khuôn.

— Hình ảnh ở câu hỏi 2: thạp đồng, trống đồng, chiêng đồng.

* Lưu ý: Hình ảnh thạp đồng không sáng như trống đồng hay chiêng đồng là do nguyên liệu phụ gia của sản phẩm có tỉ lệ khác nhau nên màu khác nhau.

(Ngoài các sản phẩm bằng đồng trong ảnh, GV có thể cho HS xem và gọi tên các sản phẩm đồng khác đã được chuẩn bị để đem đến lớp).

2. **Khám phá**

a) Mục đích

- Biết được nghề đúc đồng là một nghề thủ công cổ truyền.

- Sản phẩm đồ đồng Trà Đông được dùng trong sinh hoạt hằng ngày, dùng làm đồ thờ, làm nhạc cụ và là những sản phẩm có giá trị.

- Biết được các công đoạn đúc đồng ở làng Trà Đông.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

1. Nghề đúc đồng làng Trà Đông

- GV cho HS đọc nội dung mục 1 trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr. 24.

- GV gợi ý để HS nêu được ý chính: Nghề đúc đồng cổ truyền làng Trà Đông (còn gọi là làng Chè) đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia năm 2018.
- 2. Các sản phẩm của làng Trà Đông
 - GV cho HS quan sát hình ảnh và gọi tên các sản phẩm bằng đồng trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, mục 2, tr.24.
 - GV khuyến khích HS kể tên các sản phẩm khác mà em biết.
- 3. Các công đoạn đúc đồng ở Trà Đông
 - GV cho HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, mục 3, tr.25.
 - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm hoặc làm việc cá nhân. Sau đó cho HS (nhóm/ cá nhân) trình bày trước lớp các công đoạn đúc đồng.
 - GV giới thiệu để HS thấy được nghề đúc đồng không chỉ đòi hỏi kỹ thuật cao, khéo tay, kiên trì, yêu nghề, có con mắt thẩm mỹ mà còn cần sức khoẻ dẻo dai vì đây là một công việc rất vất vả, nặng nhọc.
 - + Công đoạn tạo mẫu, tạo khuôn cần kỹ thuật cao, có con mắt thẩm mỹ.
 - + Các công đoạn còn lại đòi hỏi sức khoẻ, sự dẻo dai.
 - GV cho HS đọc phần “Em ghi nhớ” để biết thêm thông tin về nghề đúc đồng và nguyên liệu chính để đúc các sản phẩm bằng đồng.
- 4. Đền thờ ông tổ nghề ở làng Trà Đông
 - GV cho HS đọc thông tin trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.26 để biết được những thông tin về ông tổ nghề đúc đồng.

Ông tổ nghề là Nguyễn Minh Không còn có nhiều tên gọi như: Không Minh Không, Lý Quốc Sư. Có nhiều giai thoại về ông. GV có thể tìm và hướng dẫn HS tìm đọc về nhân vật này qua một số sách như *Đại Việt sử kí toàn thư*, hoặc *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*. Trên lớp, GV hoặc HS có thể kể chuyện về ông cho không khí học tập vui vẻ.

 - GV cho HS đọc phần *Em có biết*.
 - GV có thể sưu tầm thêm hình ảnh về các làng nghề được nhắc đến trong phần *Em có biết* để giới thiệu cho HS.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG NGHỀ ĐÚC ĐỒNG TRÀ ĐÔNG - THIỆU HÓA (TIẾT 2)

3. Luyện tập

a) Mục đích

Củng cố các nội dung đã học thông qua các bài tập.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

- GV cho HS làm các bài tập trong TL GDĐP Thanh Hoá, lớp 2, tr.27, 28; có thể làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm.

Bài tập 1. Nói tên những đồ vật làm bằng đồng trong các bức ảnh.

Đáp án: các hình: 1, 3, 4, 6, 8.

Bài tập 2. Sắp xếp đúng thứ tự các công đoạn đúc đồng.

Đáp án:

2. Tạo mẫu

5. Tạo khuôn

3. Nấu chảy nguyên liệu 11 Rót khuôn

4. Dỡ khuôn và hoàn thiện sản phẩm.

Bài tập 3. Những hình ảnh nào gần gũi với người Thanh Hoá?

Đáp án: hình 1, hình 2.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG NGHỀ ĐÚC ĐỒNG TRÀ ĐÔNG - THIỆU HÓA (TIẾT 3)

4. Vận dụng

a) Mục đích

HS biết vận dụng những hiểu biết về nghề thủ công đúc đồng ở Trà Đông để có thể giới thiệu với bạn bè, người thân.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm.

Bài tập 1. Giới thiệu với bạn bè, người thân về nghề' đúc đồng ở Trà Đông.

HS chọn sản phẩm mình yêu thích và lựa chọn hình thức giới thiệu:

- Viết một đoạn văn (3 — 3 câu) giới thiệu về sản phẩm đồng Trà Đông.

- Vẽ một bức tranh hoặc chụp ảnh một sản phẩm đồng, thuyết minh về hình ảnh của mình.

Bài tập 2. Đọc câu ca dao

- GV cho HS đọc câu ca dao, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: Câu ca dao cho em hiểu gì về nghề đúc đồng?

- GV gợi ý: Tại sao lại nói trai làng Chè vất vả?

(Đây là câu thơ nói về trai làng Chè - Trà Đông làm nghề' đúc đồng, đó là một nghề' lao động vừa nặng nhọc, vừa đòi hỏi kĩ thuật cao).

* GV cho HS đọc mục *Em ghi nhớ* trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.29.

CHỦ ĐỀ 5 TRÒ CHƠI DÂN GIAN (3 TIẾT)

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TRÒ CHƠI DÂN GIAN (TIẾT 1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được nguồn gốc, đặc điểm, tác dụng của trò chơi dân gian.
- Chơi được một số trò chơi dân gian tiêu biểu của địa phương.

2. Kỹ năng

- Quan sát, ghi nhớ, hoạt động nhóm.
- Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt: đọc và thuộc một số bài đồng dao.

3. Thái độ

Trân trọng, yêu mến những trò chơi dân gian.

II. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Nâng lực tự chủ, tự học: hoạt động, hợp tác nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo: vận dụng kiến thức đã có, hiểu

biết trong cuộc sống để xác lập tri thức.

- Năng lực ngôn ngữ: diễn đạt, trình bày ý kiến cá nhân.
- Năng lực thể chất: thể hiện qua các trò chơi dân gian.

III. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Máy chiếu, bài soạn trên PowerPoint (nếu có), video clip, tranh ảnh về các trò chơi dân gian...

- Tìm hiểu các trò chơi dân gian nói chung và trò chơi tiêu biểu của địa phương.

2. Học sinh

Chuẩn bị theo sự phân công của GV.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

a) Mục đích

Tạo tâm lí vui vẻ, thoải mái, hào hứng cho HS chuẩn bị vào nội dung bài mới.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

- GV trình chiếu (nếu có), hoặc cho HS quan sát tranh trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.30.

GV nêu câu hỏi:

- Em hãy gọi tên các trò chơi trong tranh.
- Em đã từng chơi những trò chơi nào trong các trò chơi đó?
- HS quan sát tranh và nói tên các trò chơi: *rồng rắn lên mây, đẩy gậy, ném còn, chơi chuyên.*
- GV có thể cho HS chia nhóm, chơi một trò chơi bất kì để tạo hứng thú vào phần *Khám phá*.

2. Khám phá

a) Mục đích

- Nắm được khái quát về trò chơi dân gian.

- Tổ chức và tham gia chơi một trong các trò chơi được giới thiệu.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

- *Trò chơi dân gian*
- GV cho HS đọc nội dung mục 1 trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.31.
- GV gợi ý để HS nêu được các ý chính về trò chơi dân gian:
 - + Trò chơi dân gian là những hoạt động vui chơi, giải trí do nhân dân sáng tạo nên, được lưu truyền qua nhiều thế hệ.
 - + Đa số các trò chơi dân gian gắn với những bài đồng dao (một số trò chơi không cần hát đồng dao).
 - + Tác dụng của trò chơi dân gian: rèn luyện sức khỏe, trí tuệ, phán đoán, nhanh nhẹn, khéo léo, đoàn kết, kĩ năng phối hợp hoạt động tập thể,...
 - + Trò chơi dân gian thường gắn với môi trường tự nhiên.
 - + Dụng cụ để chơi thường đơn giản, dễ kiếm, dễ làm, có thể chơi mọi lúc, mọi nơi.

- GV cho HS nói tên 3 trò chơi trong 3 hình ảnh trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.31 (*lộn cầu vồng, trồng nụ trồng hoa, nhảy hươu*).

- GV đặt câu hỏi: Trong 3 trò chơi trên, trò chơi nào không cần hát đồng dao?

(Các trò chơi *trồng nụ trồng hoa* **nhảy bao bố** không hát đồng dao, nhưng cần có hiệu lệnh của người chủ trò).

Giải thích từ ngữ: “Đồng dao” là những bài hát dân gian Việt Nam có nội dung và hình thức phù hợp với trẻ em do trẻ em hát thường gắn với một số trò chơi nhất định mỗi câu vừa ứng với một hành động vừa tạo thành âm đệm, vừa cảm nhịp cho cuộc chơi vừa chỉ dẫn cho động tác.

- GV đặt câu hỏi, gợi ý để HS nhận biết về: số người chơi, cách chơi, bài đồng dao, dụng cụ chơi,...I trong trò chơi dân gian.

- Một số trò chơi dân gian cho trẻ em ở Thanh Hoá

- GV cho HS kể một số trò chơi dân gian ở Thanh Hoá mà em biết.

- GV chia nhóm, tổ chức cho HS chơi 2 trò chơi ở trong trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.32: *này cò này cẩu vạ lặc cò cò*. Trước khi HS thực hiện, GV cho HS nói cách chơi của mỗi trò (nếu HS nói được); nếu HS chưa biết cách chơi, GV giới thiệu cách chơi.

+ *Này cò này cẩu*: Đây là một trò chơi dân gian phổ biến và được nhiều trẻ em yêu thích.

* Mục đích, ý nghĩa: Giúp rèn luyện thể lực, phản xạ và sức nhanh của cơ thể. Trò chơi kết nối trẻ thành một tập thể gắn kết, hoà đồng.

* Chuẩn bị: Số lượng người chơi có thể chia thành nhóm, mỗi nhóm từ 3 người trở lên (tuỳ theo không gian rộng hay hẹp). Càng nhiều người chơi càng vui. Trò chơi gồm có 01 người làm trọng tài, 01 người đuổi bắt và số còn lại chạy cho khéo để không bị bắt.

* Không gian chơi: Không gian rộng rãi, bằng phẳng như sân trường, sân bãi, sân chơi công cộng, bãi cỏ, bãi biển,... để người chơi có thể chạy đuổi bắt nhau mà không bị cản trở.

* Cách chơi: Người đuổi bắt phải bịt mắt đi đuổi những bạn chơi khác. Trọng tài

làm nhiệm vụ hỗ. quan sát người bị bắt. Khi nghe trọng tài hô: “Chuẩn bị”, người đuổi bắt đứng ở vị trí giữa, những người chơi đứng xung quanh cùng hát bài đồng dao. Trọng tài cõ quyền quyết định cho các bạn hát cả bài, hoặc nửa bài. Khi trọng tài hô “Bắt đầu” thì người bị bịt mắt sẽ đuổi bắt người chơi. Người chơi phải khéo léo để người đuổi không bắt được mình. Để tăng thêm phần thú vị, người chạy sẽ tìm cách đến gần trêu chọc người đuổi. Người đuổi chạm được vào người nào thì người đó thua và phải làm người đi đuổi ở trận tiếp theo. Trò chơi không giới hạn thời gian.

+ *Lặc cò cò*: Người chơi chia hai đội, mỗi đội 5 hoặc 7 em cùng lứa tuổi. Hai đội xếp hàng ngang đôi diện trước một sân thi đấu là một vòng tròn bán kính khoảng 2m -3m. Mỗi nhóm cử một em lặc cò cò (nhảy bằng một chân) vào sân. Hai đội cùng vỗ tay và hát: “*Lặc cò cò! Mò cuốc cuốc! Cỏ chân trước/ Cuốc chân vàng/ Sang đây chơi/ Ngồi đây hát/ Mỏ dinh cắt/ Tỉu xuống sông/ Bìm dính lông/ Thì di rửa! Chân giẫm lúa/ Tin phải treo/ Cù kheo à ập!*” Hát xong cầu cuối cùng, cuộc đấu bắt đầu. Hai đối thủ dùng đầu gối của chân co thúc vào người nhau, sao cho đối phương bỏ chân xuống, bị ngã hoặc phải lặc ra khỏi sân là thắng. Đối thủ nào phạm luật (không dùng đầu gối) đều bị xử thua cuộc. Trong khi hai đối thủ thi đấu, tất cả vừa theo dõi vừa cổ vũ bằng cách hát lại bài hát, đến khi rõ thắng thua mới

dừng. Cứ thế, hai đội lần lượt cử người tiếp theo vào chơi, cho đến hết. Đội nào có số trận thắng nhiều hơn là đội thắng. Trò chơi này nếu thấy cần có thể mời trọng tài.

(Mỗi tổ/ nhóm chơi một trò chơi. Sau khi chơi xong, GV cho HS nhận xét trò chơi để chuyển sang phần *Luyện tập*).

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG **TRÒ CHƠI DÂN GIAN (TIẾT 2)**

3. Luyện tập

a) Mục đích

- Củng cố kiến thức trong chủ đề qua các bài luyện tập.
- Rèn kĩ năng ghi nhớ, hoạt động nhóm.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

Bài tập 1. Em nói cách chơi của một trong các trò chơi dưới đây.

- Đua thuyền trên cạn:

Người chơi chia thành các nhóm (mỗi nhóm khoảng 7 — 8 bạn). Các bạn ngồi thành hàng dọc theo từng nhóm, bạn ngồi sau cặp chân vào hết vòng bụng của bạn ngồi trước thành một chiếc thuyền đua. Khi nghe hiệu lệnh của quản trò tất cả các thuyền đua dùng sức hai tay của tất cả các thành viên trong nhóm nâng cơ thể lên và tiến về phía trước cho đến đích.

Lưu ý: Các thuyền đua phải cố gắng bám chặt vào nhau để không bị đứt thuyền khi đang di chuyển.

- Cướp cờ:

* Dụng cụ: Một cái khăn bất kì tượng trưng cho cờ; một vòng tròn; vạch xuất phát cũng là đích của 2 đội.

* Cách chơi:

Quản trò chia người chơi thành hai đội, có số lượng bằng nhau. Mỗi đội có từ 5-6 bạn, đứng hàng ngang ở vạch xuất phát của đội mình. Đếm theo số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5,... Người chơi phải nhớ số của mình. Khi quản trò gọi tới số nào thì số đó của hai đội nhanh chóng chạy đến vòng và cướp cờ. Khi quản trò gọi số nào về thì số đó phải về (Một lúc quản trò có thể gọi hai, ba, bốn số).

* Luật chơi:

+ Khi một bạn đang cầm cờ, nếu bị bạn đội kia (cùng số) vỗ vào người là thua cuộc.

+ Khi lấy được cờ chạy về vạch xuất phát của đội mình mà không bị đội bạn vỗ vào người là thắng cuộc.

+ Khi có nguy cơ bị vỗ vào người thì được phép bỏ cờ xuống đất để tránh bị thua.

+ Số nào vỗ số đó không được vỗ vào số khác. Nếu bị số khác vỗ vào không thua.

+ Số nào bị thua rồi (“bị chết”) quản trò không gọi số đó chơi nữa.

+ Người chơi không được ôm, giữ nhau cho bạn cướp cờ.

+ Người chơi tìm cách lừa đối phương để mang cờ về, lựa chọn sân bãi phù

hợp để tránh nguy cơ cờ ra khỏi vòng tròn, để cờ lại vòng tròn chỉ được cướp cờ trong vòng tròn.

- *Dô tà, dô tà*: Người chơi thực hiện động tác theo yêu cầu của trọng tài, cùng làm theo động tác và hò theo: “Dô tá, dô tà”. Trò chơi mang lại không khí tươi vui, phấn khởi.

Cách chơi: Phan cong một bạn làm trọng tài. Trọng tài làm động tác chào thuyền và vận dụng các câu ca dao Thanh Hoá vào trò chơi. Ví dụ: Trọng tài hô* Đèo cao -

Người chơi đáp: Dô tá, dô tà; Trọng tài hô: Thì mặc đèo cao — Người chơi đáp: Dô tá, dô tà; Trọng tài hô: Nhưng đèo cao quá — Người chơi đáp: Dô tá, dô tà; Trọng tài hô: Thì ta đi vòng — Người chơi đáp: Dô tá, dô tà. Hoặc câu: Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang/ Mây kéo lên ngàn thì mưa như trút. Trọng tài hô: Mây kéo xuống biển - Người chơi đáp: Dô tá, dô tà; Trọng tài hô: thì nắng chang chang - Người chơi đáp: Dô tá, dô tà; Trọng tài hô: Mây kéo lên ngàn - Người chơi đáp: Dô tá, dô tà; Trọng tài hô: thì mưa như trút - Người chơi đáp: Dô tá, dô tà.

Bài tập 2. Trả lời các câu hỏi sau:

a. *Trò chơi dân gian do ai sáng tạo nên?*

Trò chơi dân gian là những hoạt động vui chơi, giải trí do nhân dân sáng tạo, được lưu truyền qua các thế hệ.

b. *Theo em, tác dụng của trò chơi dân gian là gì?*

Trò chơi dân gian rèn luyện sức khỏe, dẻo dai, rèn trí tuệ, sự nhanh nhẹn, khéo léo, đoàn kết, tính tổ chức, tính kỉ luật, kĩ năng phối hợp hoạt động cá nhân với hoạt động tập thể. ||

GV nói thêm cho HS một số trò chơi dân gian dân gian xếp theo từng nhóm:

+ *Trò chơi dân gian phát huy trí tuệ, óc quan sát, phản đoán*: ô ăn quan, tam cúc, cờ người,...

+ *Trò chơi rèn luyện sự nhanh nhẹn, khéo léo, phán đoán, phản xạ nhanh, tinh thần đoàn kết, kỉ luật*, rồng rắn lên mây, cướp cờ, bịt mắt bắt dê, oẳn tù tì,...

| *Trò chơi rèn luyện sức khỏe, tháo vát, nhanh nhẹn, đoàn kết đồng đội*: nhảy dây, trồng nụ trồng hoa, kéo co, đẩy gậy,..|

Bài tập 3. Muốn chơi một trò chơi dân gian cần chuẩn bị những gì? Chọn những câu trả lời đúng.

Đáp án đúng:

(a) Biết tên và hiểu luật của trò chơi.

(c) Chuẩn bị các dụng cụ cần thiết cho trò chơi: phấn viết, dây thừng, khăn bịt mắt, bao tải...

(d) Thuộc bài đồng dao trong trò chơi.

Bài tập 4. Ngày nay có nhiều trò chơi điện tử. Theo em, có nên bỏ trò chơi dân gian không? Vì sao?

GV cho HS thảo luận nhóm. Nhóm trưởng ghi lại ý kiến. GV cử từng nhóm trả lời.

GV phân tích cái lợi (nhỏ), cái hại (lớn) của trò chơi điện tử; củng cố kiến thức cho HS. Trò chơi điện tử là sản phẩm của ngành công nghệ tin học mang đến cho con người nhằm mục đích chính là giải trí. Trò chơi điện tử thu hút rất nhiều người, đặc biệt là trẻ em. Trò chơi điện tử có cả lợi và hại, trong đó, cái hại rất lớn nếu không

kiểm soát được (phát sinh bệnh nghiện game ở trẻ em, gia tăng bạo lực, suy giảm tính sáng tạo, giảm khả năng giao tiếp xã hội, ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ...).

Vì sao không thể bỏ các trò chơi dân gian? GV có thể trích nhận xét của PGS.TS Nguyễn Văn Huy — nhà nghiên cứu văn hoá về trò chơi dân gian: “Cuộc sống đối với trẻ em không thể thiếu các trò chơi. Trò chơi dân gian không đơn thuần là một trò chơi của trẻ con mà nó chứa đựng cả một nền văn hoá dân tộc độc đáo, giàu bản sắc. Trò chơi dân gian không chỉ nâng cánh cho tâm hồn trẻ, giúp trẻ phát huy khả năng tư duy, sáng tạo, sự khéo léo, mà còn giúp các em hiểu về tình bạn, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước”.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TRÒ CHƠI DÂN GIAN (TIẾT 3)

4. Vận dụng

a) Mục đích

M HS được trải nghiệm bằng các trò chơi dân gian.

- HS biết tìm hiểu, tham gia một số trò chơi dân gian quen thuộc ở địa phương.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

Bài tập 1. Giới thiệu với bạn bè, người thân về một trò chơi dân gian mà em thích nhất.

HS chọn một trò chơi dân gian yêu thích, giới thiệu trước lớp: tên trò chơi, cách chơi trò chơi đó.

Bài tập 2. Cùng nhau chơi một trò chơi dân gian.

GV tổ chức cho HS chơi một số trò chơi dân gian.

(GV có thể tổ chức các hoạt động ngoại khoá có các trò chơi dân gian nói chung, trong đó có các trò chơi quen thuộc ở địa phương. Thêm nữa, GV có thể gợi ý HS tự làm đồ chơi (đồ vật, con vật) lấy vật liệu từ thiên nhiên của địa phương như làm chong chóng, kèn, máy bay, con trâu,.../ bằng lá dứa; nặn con vật, đồ vật, hoa quả,... bằng đất sét.

* GV cho HS đọc mục *Em ghi nhớ* trong TL GDĐP-tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.34

CHỦ ĐỀ 6 NHÀ SỬ HỌC LÊ VĂN HƯU (3 TIẾT)

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG NHÀ SỬ HỌC LÊ VĂN HƯU (TIẾT 1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Kể lại câu chuyện Lê Văn Hữu sau khi học.
- Biết được một số nét chính về con người và sự nghiệp của Lê Văn Hữu, nhà sử học đầu tiên của nước ta

2. Kỹ năng
 - Rèn kỹ năng trình bày nội dung của bài học trước lớp.
 - Rèn kỹ năng đọc; viết câu ngắn,

3. Thái độ

Tự hào về truyền thống quê hương; kính yêu những người có công với đất nước, dân tộc.

II. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Năng lực suy luận, lựa chọn; hoạt động độc lập; hợp tác nhóm.
- Năng lực vận dụng kiến thức đã có, hiểu biết trong cuộc sống để xác lập tri thức.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: diễn đạt, trình bày ý kiến cá nhân.

III. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên
 - Tranh ảnh, video clip,... về Lê Văn Hưu.
 - Có điều kiện nên tổ chức cho HS viếng thăm quê hương Lê Văn Hưu.
2. Học sinh

Chuẩn bị theo sự phân công của GV.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

a) Mục đích

- Tạo hứng thú cho HS bước vào bài học.
- Qua câu chuyện, HS nắm được Lê Văn Hưu từ nhỏ đã thông minh, hiếu học, có chí hướng học giỏi, đỗ đạt cao.
- HS đọc và kể lại được câu chuyện về Lê Văn Hưu.

b) **Gợi ý tổ chức hoạt động**

- GV hướng dẫn HS xem tranh, đọc giai thoại về Lê Văn Hưu.
- GV giải thích một số từ ngữ trong bài đọc, ví dụ: *thần đồng, khôi nguyên*.
- GV cho HS trả lời câu hỏi (cá nhân hoặc theo nhóm): *Qua câu chuyện, em thấy Lê Văn Hưu là cậu bé như thế nào ?*
- GV khuyến khích HS trả lời câu hỏi theo suy nghĩ của cá nhân, sau đó GV chốt lại nội dung: Lê Văn Hưu từ nhỏ đã thông minh, hiếu học, có chí hướng.

Thông tin bổ sung

MỘT SỐ GIAI THOẠI KHÁC VỀ LÊ VĂN HUU

1. Làng Phủ Lý xưa có một đôi vợ chồng trẻ nhà họ Lê ăn ở hiền lành, hay làm hay làm. Nhưng người chồng chẳng may mất sớm khi vợ đang bụng mang dạ chửa. Bỗng nửa đêm nọ, người vợ mơ thấy một ông tiên nét mặt hiền từ, chòm râu bạc phơ hiện lên, tay cầm nhành lan vẫy gọi đi theo. Tiên ông dẫn chị ra một đầm ruộng ở làng, cầm nhành lan xuống rồi dặn, hãy đưa mộ chồng về đây thì sẽ sinh quý tử. Người vợ y lời, xin với họ cho dời mộ chồng ra đấy. Quả nhiên dăm tháng sau, bà sinh được một cậu con trai kháu khỉnh, khôi ngô. Lúc sinh ra, trong nhà sực nức mùi thơm của hương hoa lan nên được đặt tên là Văn Hưu. Mới lên 4 tuổi, cậu bé Lê Văn Hưu đã thuộc lòng sách Tam Thiên tự. Người làng, ai cũng cho là thần đồng.

2. Hằng ngày, Lê Văn Hưu thích nhất là ra đình làng nghe thầy đồ dạy các anh lớn học. Thấy vậy, một lân, thầy gọi cậu vào lớp hỏi chuyện, giảng cho mấy chữ, rồi bảo về nhà học. Hôm sau, kiểm tra lại thấy Lê Văn Hưu không những thuộc mặt

chữ, còn giải nghĩa đâu ra đấy và viết không thiếu một nét. Từ đấy thầy cho Văn Hữu theo học. Được năm năm, cậu bé đã học hết chữ thầy. Lê Văn Hữu được mẹ cho sang học thầy đồ họ Nguyễn, một bậc đại khoa, nổi tiếng hay chữ ở kẻ Bôn, nay thuộc xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn.

3. Một lần đến lớp muộn, cửa nhà thầy đồ đã đóng. Lê Văn Hữu đành đứng ngoài tựa vào cây bàng trước sân nghe giảng. Thầy đồ nhìn thấy liền đọc vé đối:

- Con mọc tựa cây bàng dòm nhà Bông nhẵn (chữ mọc ghép với chữ bàng là chữ bằng, chỉ Bông nhẵn).

Cậu học trò Lê Văn Hữu liền đối lại ngay:

- Thằng quý ôm cái đầu tựa cửa Khôi nguyên (chữ quý ghép với chữ đầu thành chữ khôi, chỉ Khôi nguyên - người đỗ đầu kì thi Hội).

Nghe thế, thầy đồ cho Lê Văn Hữu vào lớp.

4. Thầy đồ họ Nguyễn có hai cô con gái xinh đẹp, nét na, nhất là cô chị, đã đến tuổi gả chồng. Một hôm, tai nghe bình van, mắt Lê Văn Hữu lại chăm chú dõi theo hai cô phơi đậu ở sân, rồi các cô ra vườn hái hoa. Thấy cậu học trò cứng lơ đễnh, thầy liền lên tiếng quở trách và bắt phải đối. Nếu không đối được sẽ phạt nặng. Rồi thầy đọc: "Sân trước phơi đậu, sân sau phơi đậu, người muốn đậu ta cho đậu". Gần như chẳng cần nghĩ, Lê Văn Hữu đối ngay: "Cô lớn hái hoa, cô bé hái hoa, thầy Thấm hoa, trò Thám hoa". Chỗ tài tình là hai chữ đậu cùng âm nhưng khác nghĩa. Thấm hoa, một trong ba vị trí đầu tiên của khoa cử xưa, cũng có nghĩa là hái hoa. Về sau, Lê Văn Hữu đỗ Bảng nhẵn, còn trên Thám hoa một bậc. Ông cũng được thầy gả con gái đầu cho.

5. Lễ cưới xong, đêm ấy trăng thanh, gió mát, Lê Văn Hữu vui vẻ vào động phòng. Nhưng cô vợ dứt khoát không cho, bảo có đối được câu đối này cô mới đồng ý. Rồi cô đọc:

- Ốc lậu nguyệt xuyên, hình như kê noãn, tam tam, tứ tứ.

Nghĩa là: Nhà dột, trăng rọi vào soi, trông như quả trứng gà ba ba, bốn bốn.

Lê Văn Hữu không làm sao đối được, buồn bực bỏ đi lang thang dọc bờ sông quê. Chợt nhìn cảnh sông nước đêm trăng, chàng đột nhiên nghĩ ra vé đối, vội chạy về, gõ cửa xin đối.

- Giang trường phong lộng, thế tựa long lân, điệp điệp, trùng trùng.

Nghĩa là: Sông dài, gió thổi, sóng nước nhìn như rồng như làn điệp điệp, trùng trùng.

Đôi vợ chồng trẻ đều phục tài ứng đối của nhau, ý hợp tâm đầu.

6. Học xong chữ thầy, Lê Văn Hữu đến trọ ở chùa Báo Ân (nay thuộc phường An Hưng, TP Thanh Hoá) để đọc sách cho yên tĩnh. Một hôm, bỗng có một cụ già trông như tiên ông lạc bước trần gian cũng vào chùa xin ở lại. Lâu dần, cụ già thành cảm mến chàng học trò trẻ tuổi chăm chỉ bút nghiên. Buổi chia tay để Lê Văn Hữu lên kinh ứng thí, cụ già chỉ vào cây thiên tuế trước cửa chùa nói:

- Cây thiên tuế sống vạn năm. (Ý muốn ca ngợi lối sống an nhiên, lạng lẽ theo đạo tu hành.)

Lê Văn Hữu lập tức nhìn giàn hoa thiên lí và đối:

- Hoa thiên lí thơm ngàn dặm. (Cũng với ý, có tài phải tỏa hương, đóng góp cho đời.)

Cụ già hết sức nể phục chí hướng của Lê Văn Hữu, và tin chắc thế nào chàng

cũng đỗ đạt cao, sẽ là một vị quan tài đức có nhiều công hiến.

(Soạn theo Các vị vua và danh nhân họ Lê Việt Nam, NXB Thanh Hoá, 2016)

2. Khám phá

a) Mục đích

- HS nắm được những nét chính trong cuộc đời Lê Văn Hưu: quê hương; đỗ đạt cao khi mới 17 tuổi; làm quan đời nhà Trần; nhà viết sử danh tiếng, tác giả bộ sử đầu tiên của nước ta; cuối đời về quê dạy học; sống rất thọ tới 92 tuổi. Hiện ở quê hương vẫn còn lăng mộ và đền thờ ông.

IPrRèn luyện năng lực đọc, kể chuyện; sắp xếp chi tiết truyện theo trình tự.

- Tự hào về danh nhân quê hương; bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

- GV cho HS xem ảnh, đọc phần *Khám phá* (có thể mỗi HS đọc 1 phần; sau đó đọc lại toàn phần).

- GV cho HS kể lại cuộc đời Lê Văn Hưu để khắc sâu bài học.

- GV có thể bổ sung thêm nội dung về thời đại nhà Trần, thời Lê Văn Hưu sống và làm nên sự nghiệp. Đó là thời kì hào hùng và tươi đẹp bậc nhất trong lịch sử phong kiến nước ta. Dưới sự trị vì của 3 vua đầu tiên nhà Trần, dân tộc ta đã 3 lần đại phá quân Mông Nguyên với các tên tuổi anh hùng lẫy lừng: Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Quốc Toản,... Bổ sung ý, hiện ở quê hương Lê Văn Hưu còn lăng mộ và đền thờ ông.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG NHÀ SỬ HỌC LÊ VĂN HƯU (TIẾT 2)

3. Luyện tập

a) Mục đích

- Khắc sâu thêm lần nữa cuộc đời, sự nghiệp của Lê Văn Hưu. Ghi nhớ công lao lớn nhất của ông: tác giả bộ quốc sử đầu tiên; là nhà sử học đầu tiên của nước ta.

- Rèn luyện năng lực tư duy (so sánh, phân tích, liên hệ); trình bày, diễn đạt; làm việc cá nhân, nhóm, tổ.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

- Tổ chức cho HS làm việc theo cá nhân hoặc nhóm, tổ. Nên thay đổi các hoạt động để HS không nhàm chán.

- GV giải thích, hướng dẫn, gợi ý nội dung (nếu cần).

Bài tập 1 Hình ảnh sau nói đến sự việc nào trong cuộc đời Lê Văn Hưu?

Đáp án: Lê Văn Hưu đi thi và đỗ Bảng nhãn năm 17 tuổi.

Bài tập 2. Theo em, đóng góp lớn nhất của Lê Văn Hưu cho quê hương, đất nước là gì?

Đáp án: c

Bài tập 3. Trong *Đại Việt sử kí*, Lê Văn Hưu hết lời ca ngợi các vị anh hùng dân tộc: Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lê Đại Hành,... Điều ấy chứng tỏ Lê Văn Hưu là người thế nào? Chọn câu trả lời đầy đủ nhất.

Đáp án: c

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG NHÀ SỬ HỌC LÊ VĂN HƯU (TIẾT 3)

4. Vận dụng

a) Mục đích

- Khắc sâu và mở rộng thêm hiểu biết của HS về quê hương, cuộc đời Lê Văn Hữu, một danh nhân đất nước; niềm tự hào của Thanh Hoá.
- Rèn luyện năng lực sưu tầm tư liệu; cách ứng xử đối với các di tích văn hoá – lịch sử; thái độ, tình cảm trân trọng yêu mến đối với công lao của cha ông.

b) Gọi ý tổ chức hoạt động

Bài tập 1 Sưu tầm thêm những câu chuyện, hình ảnh về Lê Văn Hữu.

- GV hướng dẫn cách sưu tầm tư liệu về Lê Văn Hữu và quê hương ông.
- Tổ chức HS thực hiện theo nhóm, tổ hoặc cá nhân.

Bài tập 2. Nêu được về thâm quê hương Lê Văn Hữu, em sẽ làm gì?

- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.
- Nếu có điều kiện cần tổ chức cho HS đến thăm quê hương Lê Văn Hữu.

* GV cho HS đọc mục *Em ghi nhớ* trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.38.

GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ

- **Vế đối:** 1 trong 2 phần của câu đối, thể văn có từ xưa gồm 2 vế (vế đối) song song nhau, đối chọi hoặc đối ứng nhau về âm, thanh và nghĩa. Có thể làm câu cỏi (làm cả 2 vế) hoặc làm 1 vế và yêu cầu người khác làm vế đối lại.

- **Nghiên:** dụng cụ thường làm bằng đá, dùng để mài mực tàu (mực nho). Đây là vật dụng không thể thiếu của học trò xưa.

- **Thần đồng:** đứa trẻ thông minh kì lạ, có năng khiếu hết sức đặc biệt về một lĩnh vực nào đó. Ví dụ thần đồng âm nhạc, thi ca hay toán học,...

- **Thầy đồ:** thầy dạy học ngày xưa.

- **Bảng nhãn:** người đỗ thứ hai trong kì thi cao nhất - thi Đình (thi trong sân cung điện nhà vua). Trong kì thi này, các học trò đỗ kì thi ở Kinh đô (thi Hội) được tham gia để lấy 3 ngôi vị cao nhất (gọi là tam khôi), lần lượt là: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, sau đó là các Tiến sĩ. Kì thi năm 1247 mà Lê Văn Hữu dự là kì thi đầu tiên trong chế độ phong kiến nước ta chọn đủ tam khôi. Ở kì thi này, Nguyễn Hiền, 13 tuổi, người Nam Định đỗ Trạng nguyên; Đặng Ma La, 14 tuổi, người Hà Nội (bây giờ) đỗ Thám hoa.

- **Thái sư:** chức quan đầu triều trong chế độ phong kiến. Có vương triều đặt chức quan này, có vương triều không đặt chức này.

- **Mông Nguyên:** triều đại phong kiến do tộc Mông Cổ lập nên, thống trị Trung Quốc từ năm 1271 đến năm 1368 nên gọi là Mông Nguyên. Quân Mông Nguyên sang xâm lược nước ta 3 lần vào các năm 1238, 1283, 1288 dưới triều 3 vị vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông nhưng cả 3 lần đều đại bại. Đây cũng là thời gian Lê Văn Hữu sống và làm quan.

- **Đại Việt sử kí** {*Ghi chép lịch sử Đại Việt*} gồm 30 quyển do Lê Văn Hữu biên soạn, hoàn thành năm 1272 ghi chép lịch sử nước ta trong gần 13 thế kỉ, từ Triệu Đà (207 - 136 TCN) đến Lý Chiêu Hoàng (1224 - 1225). **Đại Việt sử kí toàn thư** {*Ghi chép toàn bộ lịch sử Đại Việt*} gọi tắt là **Toàn thư**, ghi chép lịch sử nước ta từ họ Hồng Bàng - năm 2879 TCN đến năm Vĩnh Trị thứ nhất đời vua Lê Hy Tông (1676)

do nhiều quan viết sử nhà Hậu Lê biên soạn. Đầu tiên, Ngô Sĩ Liên biên soạn đến khi Lê Thái Tổ lên ngôi (1428) dựa trên hai bộ quốc sử trước đó cùng mang tên **Đại Việt sử kí** của Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên, hoàn thành năm 1479 đời vua Lê Thánh Tông. Sau đó được nhiều đời sử quan (Phạm Công Trứ, Lê Hy, Nguyễn Quý Đức) bổ sung, kéo dài thời gian ghi chép đến năm Vĩnh Trị thứ nhất đời Lê Hy Tông (1676). Bộ **Đại Việt sử kí toàn thư** cuối cùng này được khắc in năm 1697. Chính là bộ sách hôm nay chúng ta có trong tay.

- **Quốc sử:** sử của đất nước.

- **Thất lạc:** không tìm thấy.

- **Sự nghiệp:** những công việc to lớn, có ích lợi chung, lâu dài cho xã hội.

- **Từ quan:** thôi không làm quan.

- **Yến:** bữa ăn sang trọng, nhiều món đắt giá.

- **Hai Bà Trưng:** Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai chị em ruột. Hai Bà đã lãnh đạo nhân dân ta đứng lên chống ách đô hộ (kìm kẹp) của nhà Hán năm 40. Hai Bà Trưng được tôn làm vua, đóng đô ở Mê Linh (nay thuộc Hà Nội) nên còn gọi là Trưng Nữ Vương (40 - 43).

- **Ngô Quyền** (897 — 944): quê Đường Lâm, Sơn Tây nay thuộc TP Hà Nội. Năm 938, sau khi đại phá quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng, Ngô Quyền lên ngôi vua, lập nên nhà Ngô (939 - 965), vương triều phong kiến độc lập đầu tiên ở nước ta.

- **Lê Đại Hành:** Lê Hoàn (941 - 1005), quê xã Xuân Lập, Thọ Xuân, Thanh Hoá. Ông lên ngôi hoàng đế năm 980, lập nên vương triều Tiền Lê. Ông đã đại phá quân Tống xâm lược trên sông Bạch Đằng năm 981.

- **Giai thoại:** một thể loại văn học dân gian kể những câu chuyện lí thú, hấp dẫn về một sự kiện, nhân vật có thật. Tuy không hẳn chính xác nhưng đây là sự thể hiện lòng yêu mến, ngưỡng mộ của nhân dân. Giai thoại về Lê Văn Hưu đưa trong bài, cũng có ý bản sách chép là chuyện của Đoàn Hy, người Nam Định, vốn làm nghề rèn, thi đậu thủ khoa kì thi Hương thời Nguyễn nên quan chủ khảo mới ra về đổi để thử tài: “Than bỏ vào lò, sắt bỏ vào lò, bể thổi phì phò, đúc ra nén bạc”. Ông đối: “Mực nằm trong túi, bút nằm trong túi, ngòi viết lúi húi, tên chiếm bằng vàng” (Vũ Ngọc Khánh - *Kho tàng giai thoại Việt Nam tập 1*, Nxb Văn hoá, 1994). Tuy nhiên trong sách này, PGS Vũ Ngọc Khánh ở phần chú cũng đưa giai thoại này của Lê Văn Hưu.

CHỦ ĐỀ 7

DI TÍCH ĐỀN ĐỒNG CỔ (3 TIẾT)

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG DI TÍCH ĐỀN ĐỒNG CỔ (TIẾT 1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được những nét chung về khu di tích đền Đồng Cổ.

- Có hiểu biết ban đầu về di tích lịch sử - văn hoá.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, diễn đạt.

3. Thái độ

Tự hào về quê hương, về vùng đất địa linh, nhân kiệt. Có thái độ và hành động đúng khi đến thăm di tích lịch sử ở địa phương.

II. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Năng lực tự học: hoạt động độc lập; hợp tác nhóm.

- Năng lực quan sát, giải quyết vấn đề: vận dụng kiến thức đã có và những hiểu biết trong cuộc sống để xác lập tri thức.

- Năng lực ngôn ngữ: đọc, diễn đạt, trình bày ý kiến cá nhân.

III. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

Tranh ảnh, video clip, máy chiếu,... (nếu có) về khu di tích đền ĐỒNG CỔ

2. Học Sinh

Chuẩn bị theo sự phân công của GV.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

a) Mục đích

— Tạo tâm lí vui vẻ, thoải mái cho HS bước vào bài học.

— HS bước đầu nhận biết được hình ảnh đền ĐỒNG CỔ.

b) **Gợi ý tổ chức hoạt động**

— GV cho HS quan sát ảnh trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.39, giới thiệu đây là đền ĐỒNG CỔ ngày nay. GV kể chuyện về sự tích đền ĐỒNG CỔ.

— GV có thể hỏi các câu sau để cho HS tìm hiểu nội dung truyện:

+ Vì sao Vua Hùng cho xây đền?

+ Vì sao Vua Hùng phong cho thần núi ĐỒNG CỔ là “ĐỒNG CỔ đại vương”?

2. Khám phá

a) Mục đích

— HS tìm hiểu để biết về vị trí, lịch sử, kiến trúc, cảnh quan, lễ hội ở di tích đền ĐỒNG CỔ.

— HS có nhận biết về không gian, về cảnh quan, kiến trúc và có vốn từ liên quan đến di tích lịch sử, văn hoá, thờ tự.

— Khởi gợi niềm tự hào và mong muốn khám phá về lịch sử của đền ĐỒNG CỔ.

b) **Gợi ý tổ chức hoạt động**

— GV cho HS đọc lần lượt các nội dung trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.40, 41, 42 và quan sát ảnh.

— GV cho HS trả lời câu hỏi ở mỗi nội dung.

1) Vị trí

— GV cho HS quan sát bức ảnh “Toàn cảnh đền ĐỒNG CỔ” trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.40.

— GV giới thiệu về vị trí của đền ĐỒNG CỔ:

Đền nằm ở núi ĐỒNG CỔ (còn gọi là núi Khả Lao), bên bờ phải của sông Mã thuộc địa phận làng Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định, cách TP. Thanh Hoá 40 km về phía tây bắc.

— GV có thể đặt các câu hỏi sau:

+ Em hãy mô tả toàn cảnh đền Đồng Cổ.

+ Quan sát hình ảnh “Toàn cảnh đền Đồng Cổ” (tr.40), em có nhận xét gì về khung cảnh nơi đây?

2) Lịch sử

— GV cho HS đọc mục 2 trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.40 và làm việc theo nhóm. GV đưa ra các yêu cầu đối với từng nhóm:

+ Đền Đồng Cổ thờ ai?

1 Đền được xây dựng từ khi nào?

+ Quá trình xây dựng đền ra sao?

— GV giới thiệu về lịch sử ngôi đền cho HS hiểu:

Miếu Đồng Cổ được khởi dựng từ thời Hùng Vương (2569 — trước Công nguyên), đến thời Lý (1020) miếu được sửa sang lại, sang thời Lê — Trịnh (1630), miếu được xây dựng khang trang, to đẹp hơn.

Miếu thờ thần núi Đồng Cổ rất hiển linh, vị thần đã giúp các triều đại đánh thắng giặc ngoại xâm và diệt trừ phản loạn.

Năm 2001, núi và đền Đồng Cổ được công nhận là Di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia. Năm 2010, đền được tu bổ lại nhân kỉ niệm 1000 năm Thăng Long, Hà Nội.

3) Kiến trúc

— GV cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm: Quan sát các bức ảnh và gọi tên (có thể mô tả thêm những điều quan sát được trong từng bức ảnh).

— GV giới thiệu và chốt lại tên gọi của các công trình ở đền Đồng Cổ.

— GV đặt câu hỏi (có thể lựa chọn các câu hỏi sau):

+ Quan sát ảnh trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr. 41, em hãy mô tả các công trình kiến trúc của đền Đồng Cổ.

+ Em hãy tìm điểm giống nhau trong tiền đường, trung đường, hậu cung.

Thông tin bổ sung

Theo những cụ cao niên trong làng Đan Nê, đền Đồng Cổ trước đây từng có 38 gian, nghinh môn 3 tầng, 8 mái. Đền có kết cấu “Tiền nhất - Hậu đình” gồm tiền đường, chính tẩm, nhà cầu và thượng điện, tựa lưng vào dãy Tam Thai (dân làng gọi một cách dân dã là dãy núi Đổng).

Ngày nay nhà tiền đường kết cấu 5 gian, kiến trúc hai tầng mái; trung đường rộng ba gian, có kết cấu giáp mái với tiền đường và sau cùng là hậu cung, lưng dựa vào vách núi, được bố cục gọn gàng với lối kiến trúc cổ kính. Điều đặc biệt là trống đồng - linh vật mang tính biểu tượng của ngôi đền được đặt ở vị trí trang trọng ở tiền đường, trung đường và hậu cung.

Đền có Nghinh môn (cổng) gồm 3 tầng, 8 mái, mang phong cách kiến trúc thế kỉ XV (thời Lê), cao 9m, rộng 3m, được ghép bằng những khối đá vuông vức (không dùng vữa), cuốn thành vòm tò vò.

Ngoài ra, trước cửa đền, bên kia hồ bán nguyệt, có hai tấm bia trên vách đá núi Xuân. Một tấm bằng chữ Hán khắc lại bài văn bia do Nguyễn Quang Bàn, con vua Quang Trung, viết năm 1802, ca ngợi phong cảnh sơn thủy hữu tình nơi đây, và kể lại chuyện một chiếc trống đồng cổ được tìm thấy và cúng tiến vào đền. Tấm kia bằng tiếng Pháp, khắc năm 1889, nội dung chép lại bài văn dân làng Đan Nê tỏ lòng

sùng kính với ngôi đền. Còn tấm bia chữ Hán chép rằng, năm Canh Tuất (1790) Tuyên công Nguyễn Quang Bàn vâng mệnh vua cha vào làm quan đặc sai đốc trấn Thanh Hoá. Một đêm, ông nghỉ tại làng Đan Nê, có vào cầu khẩn trong miếu thờ Đổng Cổ Sơn Thần. Sau đó ứng nghiệm bằng việc ông bỗng thấy bên bờ Nam sông Mã xuất lộ một chiếc trống đồng cỡ rộng 9 thước, cao 4 thước. Có luận giải rằng đây là chiếc trống đồng nắm xưa đã giúp vua Hùng đã làm linh khí đánh giặc ngoại xâm vùng này. Năm Nhâm Tuất (1802) lại có dịp đi qua miếu, Nguyễn Quang Bàn sai đem chiếc trống đồng tìm được dạo trước hiến cho đền, đồng thời viết bia (lúc đó là bia gỗ) ghi lại để đời sau được rõ.

Theo những người cao tuổi trong làng Đan Nê kể lại, ngày xưa ba ngọn núi đá bao quanh đền là rừng cây nguyên sinh rậm rạp, nhiều cây to, có nhiều chim, thú. Nhưng qua biết bao biến đổi, nay chỉ còn những ngọn núi đá với cây mọc tái sinh tầng thấp.

Theo những bậc đá lên đến ngôi miếu cổ trên núi Xuân, du khách có thể thu vào tầm mắt phong cảnh thật tuyệt vời của dòng sông Mã. Trước đền, hồ Bán Nguyệt như một tấm gương soi mây trời, lồng bóng núi.

4) Lễ hội

— GV cho HS quan sát bức ảnh lễ hội đền Đổng Cổ trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.42 và mô tả những gì nhìn thấy trong ảnh.

— GV giới thiệu về lễ hội đền Đổng Cổ cho HS nghe (về thời gian, nơi tổ chức,...).

Thông tin bổ sung

Lễ hội được diễn ra từ 14 - 15/3 âm lịch hằng năm, nhằm tưởng nhớ công lao của thần và cũng là lời cầu nguyện để thần phù trợ cho quốc thái dân an, nhân khang vật thịnh, đời sống người dân no đủ. Lễ hội gồm phần lễ và phần hội với các nghi thức rước kiệu, dâng mâm sơn trang hoa quả cúng thần và tế thần với đội ngũ tế nam, tế nữ, các hoạt động văn hoá với màn đánh trống hội, múa lân, đua thuyền,... thu hút đông đảo du khách tham dự.

Trước khi lễ hội diễn ra, ngày 12/3 âm lịch, người dân tổ chức lễ đốt áo thủy bào cho thần, ngày 15/3 âm lịch là chính lễ.

Bên cạnh đó, còn có các tiết mục văn nghệ dân gian các trò chơi dân gian như kéo co, đua thuyền rồng, đánh cờ tướng.

Đây là lễ hội mang đậm nét văn hoá truyền thống với nhiều nghi thức lễ hội trang nghiêm và phong phú.

Lưu ý: Nếu có điều kiện, GV cho HS quan sát thêm các hình ảnh, video clip liên quan đến lễ hội đền Đổng Cổ như lễ đốt áo thủy thần, lễ tế thần, hội đua thuyền,... (GV thu thập tư liệu có trên trang thông tin văn hoá của tỉnh).

— GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin trong mục “Em có biết” trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.42, có thể coi đây là giao nhiệm vụ học tập ở nhà, hoặc giao trước khi học bài này. Sau đó, có thể cho HS trình bày hiểu biết của mình.

3. Luyện tập

a) Mục đích

- Dựa vào tri thức tiếp thu từ phần *Khám phá*, HS củng cố những hiểu biết của mình về đền ĐỒNG CỔ thông qua các bài tập thực hành.
- HS có thái độ, cảm xúc về di tích (về sự linh thiêng, về cái đẹp,...).

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

Bài tập 1: Đền ĐỒNG CỔ thờ vị thần nào?

- GV cho HS làm việc cá nhân.
- HS làm việc cá nhân: Chọn phương án đúng: c: Thần Trống ĐỒNG (thần ĐỒNG CỔ).
- GV nhắc lại các thông tin có liên quan đến phương án (a) và (b) để HS có sự so sánh, phân biệt.

Bài tập 2: Kể tên những công trình và hiện vật có tại khu di tích đền ĐỒNG CỔ.

- Giáo viên cho học sinh làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm.
- Giáo viên cho học sinh nhớ lại hoặc quan sát lại các bức ảnh (tr.41) trong phần Kiến trúc đền ĐỒNG CỔ (phần này có tính mở, vì ngoài những công trình và hiện vật chính, có thể hs sẽ kể những hiện vật mà học sinh quan sát (ví dụ như hạc thờ, bát hương, lưu hương, tượng),

Đáp án: Nghinh môn (cổng), tiền đường, trung đường, hậu cung, trống đồng,...

Bài tập 3: Chọn từ để hoàn thành câu:

- GV cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm.

Đáp án

- Núi và đền ĐỒNG CỔ là một di tích linh thiêng vào bậc nhất của xứ Thanh”.

Bài tập 4: Đền ĐỒNG CỔ (địa điểm, lịch sử, công trình kiến trúc, phong cảnh)'

- GV cho HS làm việc cá nhân, có thể chia nhóm để thực hiện việc viết theo chủ đề: địa điểm: lịch sử: kiến trúc, phong cảnh. Chia nhóm để nhận xét kết quả của nhóm khác.

Hoặc cụ thể hơn: GV có thể định hướng các cụm từ liên quan đến các chủ đề để HS dễ dàng giải quyết yêu cầu của GV ở bài tập này.

Ví dụ: Địa điểm có thể đưa ra cụm từ: **Khả Lao**.

Lịch sử có thể đưa ra cụm từ: **lâu đời, Hùng Vương**.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG DI TÍCH ĐỀN ĐỒNG CỔ (TIẾT 3)

4. Vận dụng

a. Mục đích

- HS vận dụng những hiểu biết từ các hoạt động trước để hoàn thành yêu cầu nghĩa
- Hình thành kĩ năng đọc, hiểu, so sánh; khả năng tìm tòi, định hướng thái độ đúng.

b. Gợi ý tổ chức hoạt động

Sưu tầm các câu chuyện có liên quan đến đền ĐỒNG CỔ và thần ĐỒNG CỔ.

- GV cho HS phân biệt giữa đền (nơi thờ tự) và thần (vị thần được tôn thờ).
- GV có thể đặt các câu hỏi:

- + Đền Đồng Cổ thờ ai?
- Thần Đồng Cổ được thờ ở đâu?
- Yêu cầu HS làm việc theo nhóm liệt kê theo yêu cầu (dựa vào bài học)
- + Nơi thờ thần Đồng Cổ (đền)?
- + Thần Đồng Cổ được thờ ở đâu?
- GV gọi 1 và hướng dẫn cho HS cách sưu tầm những câu chuyện, sự tích có liên
- Có thể giao nhiệm vụ cho HS sau khi kết thúc bài học.
- * GV cho HS đọc mục *Em ghi nhớ* trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.43.

CHỦ ĐỀ 8

KINH NGHIỆM ỨNG XỬ TRONG TỤC NGỮ

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

KINH NGHIỆM ỨNG XỬ TRONG TỤC NGỮ (TIẾT 1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS bước đầu nhận biết được khái niệm tục ngữ.
- Biết được nội dung một số câu tục ngữ cụ thể.
- Hiểu để có thể vận dụng trong ứng xử hằng ngày.

2. Kỹ năng

— Bước đầu giải thích được nội dung, ý nghĩa của một số câu tục ngữ về kinh nghiệm ứng xử.

- Nói (diễn đạt) rõ, gọn. Ghi nhớ những tục ngữ đó.

3. Thái độ

— Hiểu đây là tri thức của cha ông, của người xưa dùng để hướng dẫn cách sống, cách ứng xử cho người đời sau.

- Trân trọng những bài học tinh thần của người xưa.
- Biết lựa chọn những bài học để vận dụng cho cuộc sống ngày nay.

II. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Năng lực nghe, đọc, thuộc tục ngữ.
- Giải nghĩa, phân tích, tranh luận nhóm để hiểu nội dung của tục ngữ.

III. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Đọc kĩ các tục ngữ trong sách.
- Nắm chắc đặc điểm của tục ngữ, có những tục ngữ được kết cấu dạng câu, có những tục ngữ kết cấu dạng ngữ.

— Tìm đọc một số tác phẩm văn học dân gian Thanh Hoá để biết thêm tục ngữ xứ Thanh (vốn có nhiều dân tộc cùng sinh sống như Kinh, Mường, Thái,...)* GV ở vùng có nhiều đồng bào dân tộc nên tìm hiểu một số tục ngữ của dân tộc nơi mình cư trú, dạy học để vận dụng trong bài dạy.

- Phân công cho HS sưu tầm một số câu tục ngữ địa phương.

2. Học sinh

Chuẩn bị theo sự phân công của GV.

IV. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

a) Mục đích

Tạo hứng thú cho HS bước vào bài học mới.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

— GV cho HS đọc các tục ngữ trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.44.

— HS giải thích được nội dung từng tục ngữ đó. (GV có thể cho HS liên hệ hình ảnh trong tranh vẽ với câu tục ngữ phù hợp — *Uống nước nhớ nguồn*).

* Lưu ý: Câu 3 phần *Khởi động* diễn đạt bằng hình thức lục bát (câu 6/8), lại dùng từ địa phương, cần tạo thêm hứng thú tìm hiểu cho HS. GV giải nghĩa cho HS những từ ngữ: *rau chân, mâm gành, cô gơ*.

9 *Rau chân*: rau vệt, rau tập tàng, ý nói một món thực phẩm dân dã, rất bình thường.

+ *Mâm gành, cô gơ*: mâm cỗ nhiều tầng, nhiều món. Ngày xưa mâm cỗ không chỉ nhiều món mà các món phải đặt chồng lên nhau, dưới cùng là các bát canh như măng, miến, mọc,..) trên đó là các đĩa xào, thịt, giò, hấp, 111 chồng lên nhau 3 đến 5 tầng gọi là *cô gơ* (giải thích ngắn gọn là “mâm cao cỗ đầy”).

— HS chỉ ra đâu là câu tục ngữ em cho là của Thanh Hoá.

— GV chốt: Trong ba câu tục ngữ trên, câu 3 là của Thanh Hoá.

2. Khám phá

a) Mục đích

— Hiểu được thế nào là tục ngữ.

— Hiểu nội dung một số câu tục ngữ Thanh Hoá.

- Định hướng chính để HS hiểu tục ngữ là các bài học rất cần thiết để dạy cách ứng xử cho con người.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

1. Tìm hiểu về tục ngữ

- GV cho HS đọc nội dung mục 11 phần *Khám phá* trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.45.

- HS nêu những hiểu biết của mình về tục ngữ.

- GV chốt nội dung và có thể lấy thêm một vài ví dụ về tục ngữ cho HS hiểu thêm.

2. Tìm hiểu một số tục ngữ Thanh Hoá

GV hướng dẫn HS tìm hiểu những tục ngữ trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá lớp 2, tr.45.

Câu 1.

Người Thái dạy con không dùng roi Người Mường dạy con không dùng vồ.

- GV cho HS đọc câu tục ngữ.

- GV đặt câu hỏi: “Theo em, câu tục ngữ nói về nội dung gì?”

HS trả lời cá nhân, nhiều HS trả lời. GV gợi ý nếu HS không trả lời được. (Câu tục ngữ nói về việc dạy con).

- GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của các từ “roi, vồ”

- GV đặt câu hỏi tiếp: “Theo em, câu tục ngữ đưa ra bài học gì?”

- HS trả lời cá nhân, nhiều HS trả lời. GV gợi ý cho HS trả lời.

- GV chốt: “Câu tục ngữ nói về kinh nghiệm dạy con, dạy con không dùng đòn roi”. Các câu 2y 3y 4 tổ chức thảo luận tương tự câu 1.
- + Câu 2: Câu tục ngữ khuyên chúng ta cần lựa chọn lời ăn tiếng nói, lựa chọn bạn để chơi.
- + Câu 3: Câu tục ngữ đưa ra bài học phải bảo vệ chăm sóc trẻ em, đó là thế hệ tương lai của đất nước.
- + Câu 4: Câu tục ngữ khuyên chúng ta phải biết thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG KINH NGHIỆM ỨNG XỬ TRONG TỤC NGỮ (TIẾT 2)

3. Luyện tập

a) Mục đích

- Củng cố nội dung đã học qua những bài luyện tập.
- Rèn luyện khả năng ghi nhớ, phân tích, tranh luận, thảo luận của HS.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

GV cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm.

Bài 1: Câu tục ngữ “Ở đây ân bát rau hành/ Còn hơn chốn khác mâm gành cỗ gờ” có nội dung gì?

Câu đúng: câu a.

Bài 2. Ghép các câu tục ngữ với nội dung tương ứng:

Đáp án:

- 1 - b
- 2 - c
- 3- d
- 4- a

GV có thể tìm thêm một số câu tục ngữ khác và hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung, ý nghĩa của các câu tục ngữ đó.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG KINH NGHIỆM ỨNG XỬ TRONG TỤC NGỮ (TIẾT 3)

4. Vận dụng

a) Mục đích

— HS vận dụng những hiểu biết từ các hoạt động trước để hoàn thành yêu cầu của bài.

— Rèn kĩ năng đọc, hiểu, khả năng tìm tòi, định hướng thái độ đúng.

b) Gợi ý tổ chức hoạt động

Bài tập 1 HS sưu tầm một số tục ngữ của Thanh Hoá về kinh nghiệm ứng xử.

Bài tập 2. HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm.

a) Câu trả lời đúng: Mãng non tượng trưng cho lứa tuổi thiếu nhi, thế hệ tương lai của dân tộc Việt Nam.

b) Hình ảnh măng non trong Huy hiệu Đội Thiếu niên Tiền phong HỒ Chí Minh

khiến em liên tưởng đến câu tục ngữ:

*Trồng tre xin chớ hể mǎng
Mai sau mǎng lớn màng bằng ngọn tre.*

- GV cho HS đọc mục *Em ghi nhớ* trong TL GDĐP tỉnh Thanh Hoá, lớp 2, tr.47.